Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9028.30.90

Mã HS	9028.30.90
Mô tả hàng hóa	Thiết bị đo khí, chất lỏng hoặc lượng điện được sản xuất hoặc cung cấp, kể cả thiết bị kiểm định các thiết bị trên / - Công tơ điện: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	06/11/2026 01:00:01
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90283090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18189
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18189
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18189
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17513
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17442
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17442
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17442
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17442
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17442
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17442
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E17498
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17498

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17498
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17498
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17498
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17498
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17499
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17499
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17499
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17499
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17499
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17499
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17504
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17460
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17456
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17456
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17456
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17456
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17456
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17456
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17502
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17502
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17502
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17502
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17502
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17502
VCFTA	2022	2022	5	VC!D17564
VCFTA	2023	2023	2	VC!E17564

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17564
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17564
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17564
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17564
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D17540
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E17540
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F17540
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17540
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17540
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17540
AHKFTA	2022	2022	15	AKH!D17535
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E17535
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F17535
AHKFTA	2025	2025	5	AKH!G17535
AHKFTA	2026	2026	5	AKH!H17535
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17535
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D17565
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17565
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17565
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17565
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17565
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17565
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D17564
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17564
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17564
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17564

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17564
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17564
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17658
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17658
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17658
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17658
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17658
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17658
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17658
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17527
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17527
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17527
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17527
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17527
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17527
RCEP B	2022	2022	0	B!D17527
RCEP B	2023	2023	0	B!E17527
RCEP B	2024	2024	0	B!F17527
RCEP B	2025	2025	0	B!G17527
RCEP B	2026	2026	0	B!H17527
RCEP B	2027	2027	0	B!I17527
RCEP C	2022	2022	0	C!D17525
RCEP C	2023	2023	0	C!E17525
RCEP C	2024	2024	0	C!F17525
RCEP C	2025	2025	0	C!G17525
RCEP C	2026	2026	0	C!H17525

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17525
RCEP D	2022	2022	0	D!D17524
RCEP D	2023	2023	0	D!E17524
RCEP D	2024	2024	0	D!F17524
RCEP D	2025	2025	0	D!G17524
RCEP D	2026	2026	0	D!H17524
RCEP D	2027	2027	0	D!I17524
RCEP E	2022	2022	0	E!D17528
RCEP E	2023	2023	0	E!E17528
RCEP E	2024	2024	0	E!F17528
RCEP E	2025	2025	0	E!G17528
RCEP E	2026	2026	0	E!H17528
RCEP E	2027	2027	0	E!I17528
RCEP F	2022	2022	0	F!D17527
RCEP F	2023	2023	0	F!E17527
RCEP F	2024	2024	0	F!F17527
RCEP F	2025	2025	0	F!G17527
RCEP F	2026	2026	0	F!H17527
RCEP F	2027	2027	0	F!I17527
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F16431
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G16431
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H16431
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I16431

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9028.30 có 2 dòng thuế; dòng 9028.30.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9028.30.10 Máy đếm ki-lô-oát giờ	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9028.30.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 9028.30.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18189), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.